

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 93/2024/LĐ-ST

Ngày: 28 – 6 – 2024

V/v tranh chấp về yêu cầu
tuyên bố hợp đồng lao động vô
hiệu

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu YẾN – Nguyên Phó Trưởng Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Thuận An;
2. Ông Lê Văn Công – Nguyên Phó chủ tịch phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Hà Giang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm – Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án lao động thụ lý số 13/2024/TLST-LĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-LĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ thường trú: Cấp C, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH G; trụ sở: Đường số E, Khu S, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông TSAI, PU - CHUO – Giám đốc. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Thạch Thị Chanh Si B, sinh năm 1999; địa chỉ thường trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo Hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; trụ sở: Khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương - người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Minh H1 - Giám đốc. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Thạch Thị H trình bày:

Tháng 4/2015, nguyên đơn có ký hợp đồng lao động và có làm việc cho Công ty TNHH N tại số C L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đến tháng 5/2015 thì nghỉ việc về quê sinh sống đến tháng 4/2016, nguyên đơn ký kết hợp đồng lao động với Công ty T, địa chỉ: KCN T, huyện C, tỉnh Tiền Giang đến tháng 1/2023 thì nghỉ việc. Quá trình làm việc, nguyên đơn được Công ty TNHH N và Công ty T TG tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ theo quy định. Nay do nhu cầu cá nhân, nguyên đơn có liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Tiền Giang để rút bảo hiểm xã hội một lần thì được biết hồ sơ bảo hiểm xã hội của nguyên đơn bị trùng lặp thời gian đóng bảo hiểm xã hội và hướng dẫn nguyên đơn đến Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương để giải quyết. Sau khi liên hệ đến Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương thì được biết hồ sơ bảo hiểm xã hội của nguyên đơn bị trùng lặp thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2014 đến tháng 6/2017. Nguyên nhân sự việc là do: Khoảng tháng 9/2014, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bà Thạch Thị C Si Bệnh muốn ký hợp đồng lao động để kiếm thu nhập phụ giúp gia đình nhưng do chưa đủ tuổi ký hợp đồng lao động nên đã mượn chứng minh nhân dân của nguyên đơn mang số 331743467 do Công an tỉnh V cấp ngày 01/4/2010 để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G (sau đây gọi là Công ty G), bà Thạch Thị Chanh Si B làm việc tại Công ty G với tên Thạch Thị H đến tháng 6/2017 thì nghỉ việc.

Do nhiều lần liên hệ Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương để giải quyết vấn đề bị trùng thời gian đóng bảo hiểm nhưng không được và được hướng dẫn khởi kiện đến Tòa án để giải quyết về hợp đồng vô hiệu. Nhận thấy việc bà Thạch Thị C Si Bệnh mượn chứng minh nhân dân của nguyên đơn để ký kết hợp đồng lao động với Công ty G sai qui định, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Thạch Thị H (do bà Thạch Thị Chanh Si B là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty TNHH G trong khoảng thời gian từ tháng 09/2014 đến tháng 6/2017 vô hiệu. Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Việc cho bà Thạch Thị C Si Bệnh sử dụng chứng minh nhân dân của mình để làm việc tại Công ty G dẫn đến việc trùng lặp quá trình đóng bảo hiểm xã hội là do lỗi của nguyên đơn nên nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Bản photo sổ Bảo hiểm xã hội, Công văn số 2221 ngày 12/12/2023; bản chứng thực CCD của nguyên đơn.

*) Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông TSAI, PU - CHUO có yêu cầu xét xử vắng mặt và có ý kiến như sau:

Khi ký kết hợp đồng lao động với bà Thạch Thị H thì Công ty TNHH G không biết việc bà Thạch Thị Chanh Si B mượn chứng minh nhân dân của bà Thạch Thị H để ký kết hợp đồng. Do thời gian đã lâu nên hiện Công ty Thông Dụng không còn lưu giữ hồ sơ của nhân viên nên không cung cấp được theo yêu cầu của Tòa án. Tuy nhiên, qua thông tin lưu giữ phần mềm thì Công ty G xác nhận có ký kết hợp đồng lao động với bà Thạch Thị H từ ngày 03/7/2014 và chấm dứt ngày 26/6/2017. Công ty G đã tham gia Bảo hiểm xã hội cho bà Thạch Thị H từ tháng 9/2014 đến tháng 6/2017. Sau khi nghỉ việc, giữa Công ty G đã thỏa thuận giải quyết đầy đủ quyền lợi của bà Thạch Thị H và đã chốt sổ bảo hiểm xã hội. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Công ty G không có ý kiến, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng, không yêu cầu độc lập trong vụ án.

*) Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị C Si Bệnh trình bày:

Khoảng giữa năm 2014, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên gia đình cho bà Thạch Thị C Si Bệnh nghỉ học, bà Thạch Thị C Si Bệnh muốn đi làm công ty để kiếm tiền phụ giúp gia đình nhưng do chưa đủ tuổi ký hợp đồng lao động nên có mượn chứng minh nhân dân của bà Thạch Thị H để làm hồ sơ xin việc làm. Sau đó, bà Thạch Thị Chanh Si B đã sử dụng Giấy chứng minh nhân dân của bà Thạch Thị H để làm hồ sơ xin việc vào Công ty TNHH G; trụ sở: Đường số E, Khu S, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bà Thạch Thị Chanh Si B làm việc tại Công ty G từ tháng 9/2014 đến tháng 6/2017 thì nghỉ việc. Trong thời gian làm việc tại đây thì công ty có tham gia và đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội cho bà Thạch Thị C Si Bệnh. Sau khi nghỉ việc thì bà Thạch Thị C Si Bệnh có thực hiện các thủ tục để hưởng trợ cấp theo quy định nhưng do trục trặc về giấy tờ nên bà Thạch Thị Chanh Si B đã bỏ luôn không nhận và cũng không còn quan tâm đến việc nhận trợ cấp trên. Bà Thạch Thị Chanh Si B không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng, không yêu cầu độc lập trong vụ án, từ chối nhận các quyền lợi liên quan đến quá trình tham gia bảo hiểm xã hội theo Hợp đồng ký kết với Công ty G với tên Thạch Thị H, đồng thời bà Thạch Thị C Si Bệnh yêu cầu giải quyết vắng mặt trong các phiên tòa xét xử đối với vụ án.

*) Đại diện hợp pháp của Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, là ông Phan Minh H1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và có ý kiến trình bày như sau:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) của Công ty TNHH G Thông Dụng cho người lao động thì Công ty TNHH G có tham gia BHXH, BHYT, BHTN,

BHTNLD-BNN cho bà **Thạch Thị H**, sinh ngày 07/4/1995, số chứng minh nhân dân 331743467, số căn cước công dân 086195010458 với mã số bảo hiểm xã hội 7414168029 tháng 9/2014 đến tháng 6/2017, chưa hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà **Thạch Thị H** thì cơ quan Bảo hiểm xã hội không lưu trữ. Đối với các yêu cầu khởi kiện của bà **Thạch Thị H** thì Bảo hiểm xã hội **thành phố T** không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An trình bày:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là **Công ty TNHH G**; trụ sở: **Đường số E, Khu S, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương** yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019 xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[2] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa **Công ty TNHH G** với bà **Thạch Thị H** (do bà **Thạch Thị Chanh Si B** mượn chứng minh nhân dân giao kết hợp đồng). Tuy nhiên, **Công ty TNHH G** thừa nhận có ký kết Hợp đồng lao động và có tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động **Thạch Thị H** nhưng thời gian đã lâu nên không còn lưu trữ. Như vậy, thực tế có tồn tại Hợp đồng lao động giữa **Công ty TNHH G** và người lao động có thông tin **Thạch Thị H**. Đây là tài liệu, chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động **Thạch Thị H** như sau:

Mã số BHXH 7414168029 từ tháng 9/2014 đến tháng 6/2017 tại **Công ty TNHH G**.

Mã số bảo hiểm xã hội 7915063575: Từ tháng 4/2016 đến tháng 01/2023 tại **Công ty TNHH T**, địa chỉ: **KCN T, huyện C, tỉnh Tiền Giang**.

[3.2] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho thấy: Bà **Thạch Thị Chanh Si B** do không hiểu biết pháp luật, hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong muốn có thu nhập để giúp đỡ gia đình nên đã mượn chứng minh nhân dân của bà **Thạch Thị H** ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại **Công ty TNHH G** từ tháng 9/2014 đến tháng 6/2017. Khi ký kết hợp đồng lao động cũng như quá trình làm việc, công ty không phát hiện được người lao động sử dụng hồ sơ giả nên vẫn ký hợp đồng và tham gia BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ cho người lao động thể hiện tại Sổ bảo hiểm xã hội số 7414168029. Thực tế, trong khoảng thời gian trên, bà **Thạch Thị H** đang làm việc tại **Công ty TNHH T**, dẫn đến việc bà **Thạch Thị H** trong cùng một khoảng thời gian được 02 Công ty tham gia bảo hiểm xã hội.

[3.3] Việc bà **Thạch Thị C** Si Bênh sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà **Thạch Thị H** để giao kết hợp đồng lao động với **Công ty TNHH G** là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994.

[3.4] Do đó, bà **Thạch Thị H** yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà **Thạch Thị H** (do bà **Thạch Thị C** Si Bênh mượn tên) với **Công ty TNHH G** trong khoảng thời gian từ tháng 9/2014 đến tháng 6/2017 là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

[3.5] Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu; bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Mặc dù các đương sự đã được Tòa án giải thích về hậu quả của hợp đồng vô hiệu và quyền yêu cầu nhưng các đương sự không yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Các Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Thạch Thị H** về việc “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” đối với **Công ty TNHH G**.

2. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà **Thạch Thị H** (do bà **Thạch Thị C Si Bênh ký kết**) và **Công ty TNHH G** trong thời gian từ tháng 9/2014 đến tháng 6/2017 vô hiệu.

3. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Cơ quan BHXH có thẩm quyền thực hiện các chế độ BHXH đối với bà **Thạch Thị H**, sinh ngày 07/4/1995, CMND số 331743467 cấp ngày 26/02/2014, CCCD số 086195010458 cấp ngày 26/02/2022, số Sổ BHXH 7915063575 theo quy định pháp luật.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà **Thạch Thị H** tự nguyện chịu 300.000 đồng, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001091 ngày 03/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Tô Uyên